

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Phiên dịch tiếng Anh du lịch; Marketing du lịch; Kỹ thuật làm bánh; Điều dưỡng; Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Phiên dịch tiếng Anh du lịch; Marketing du lịch; Kỹ thuật làm bánh; Điều dưỡng; Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Phiên dịch tiếng Anh du lịch; Marketing du lịch; Kỹ thuật làm bánh; Điều dưỡng; Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Phiên dịch tiếng Anh du lịch” được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Marketing du lịch” được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật làm bánh” được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Điều dưỡng” được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội” được quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, hiệu trưởng các trường có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Văn Tí

Phụ lục 01**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ PHIÊN DỊCH TIẾNG ANH DU LỊCH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Phiên dịch Tiếng Anh Du lịch

Mã nghề: 40220203

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29

Cấp bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

- + Nắm vững kiến thức đại cương làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ tiếng Anh và chuyên môn nghiệp vụ nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch;
- + Tìm hiểu được kiến thức cơ bản về bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ;
- + Sử dụng được kiến thức ở trình độ cơ bản về các bình diện ngôn ngữ (hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) tiếng Anh cũng như tiếng Việt, đặc biệt là kiến thức về tiếng Anh Du lịch;
- + Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, kỹ thuật dịch, mục đích, bản chất, phạm vi và nguyên tắc của công việc biên dịch, phiên dịch;
- + Hiểu được văn hóa Việt Nam và một số nước nói tiếng Anh trên thế giới trong môi trường du lịch;
- + Bảo đảm được cho sinh viên đạt trình độ nghiệp vụ cơ bản để công tác có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn;
- + Rèn luyện và xây dựng được kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng Anh về các hoạt động du lịch, điều hành Tour, ...

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp tương đương chuẩn TOEIC 550 để phục vụ mục đích nghề nghiệp;

+ Sử dụng được tiếng việt hiệu quả trong hoạt động du lịch;

+ Áp dụng được kiến thức về lý thuyết dịch và kỹ thuật dịch cơ bản để thực hiện các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch về các hoạt động du lịch và hành chính;

+ Sử dụng được công cụ kỹ thuật, công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc chuyên môn và học tập;

+ Rèn luyện được một số kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp;

+ Xây dựng được kỹ năng học tập cơ bản để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

+ Phát triển được khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Có hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, học sinh trung cấp nghề Phiên dịch tiếng Anh du lịch có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên lễ tân các Khách sạn hoặc các khu Resort;
- Hướng dẫn viên du lịch bằng tiếng Anh;
- Nhân viên Marketing cho các dự án du lịch;
- Nhân viên làm việc trong các ngành dịch vụ và thương mại;
- Thư ký cho các trưởng bộ phận ở các Khách sạn hoặc các khu Resort;
- Thư ký giám đốc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2595 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 20 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2385 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1725 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 542 giờ; Thời gian học thực hành: 1843 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	98	96	16
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	19	23	3
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1725	329	1262	134
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	600	150	417	33
MH 07	Tổng quan du lịch	45	30	12	3
MĐ 08	Tiếng Việt thực hành	60	21	36	3
MĐ 09	Tiếng Anh 1	180	33	138	9
MĐ 10	Tiếng Anh 2	180	33	138	9
MĐ 11	Ngữ âm thực hành	45	15	27	3
MĐ 12	Ngữ pháp thực hành	90	18	66	6
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1125	179	845	101
MĐ 13	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	27	3
MĐ 14	Nghiệp vụ nhà hàng	45	15	27	3
MĐ 15	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	90	35	47	8
MH 16	Lý thuyết dịch	45	30	12	3
MĐ 17	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	180	9	150	21
MĐ 18	Tiếng Anh chuyên ngành lễ hành	180	9	150	21
MĐ 19	Thực hành biên phiên dịch du lịch 1	180	33	141	6
MĐ 20	Thực hành biên phiên dịch du lịch 2	180	33	141	6
MĐ 21	Thực hành nghề tại Cơ sở	180	0	150	30
Tổng cộng		1935	435	1349	151

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Tiếng Anh 3	180	33	138	9
MĐ 23	Ngữ pháp thực hành nâng cao	90	27	60	3
MĐ 24	Từ vựng thực hành	90	27	60	3
MĐ 25	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	60	15	36	9
MĐ 26	Cú pháp học	45	21	21	3
MH 27	Tâm lý khách du lịch	45	30	12	3
MĐ 28	Marketing du lịch	60	30	27	3
MĐ 29	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	90	30	54	6
MH 30	Ngữ nghĩa học	45	33	9	3
MH 31	Giao thoa văn hóa	45	30	12	3
MĐ 32	Thực hành kỹ năng tiếng Anh nâng cao	180	9	150	21
MĐ 33	Tiếng Trung 1	60	24	33	3
MĐ 34	Tiếng Trung 2	60	24	33	3
MH 35	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	42	15	3
MĐ 36	Kỹ năng giao tiếp	90	30	55	5
MH 37	Địa lý tài nguyên du lịch Việt Nam	90	60	24	6
Tổng cộng		1290	465	739	86

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bố giữa các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và bắt buộc đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Tiếng Anh 3	180	33	138	9
MĐ 23	Ngữ pháp thực hành nâng cao	90	27	60	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Từ vựng thực hành	90	27	60	3
MĐ 25	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	60	15	36	9
MĐ 26	Cú pháp học	45	21	21	3
MH 27	Tâm lý khách du lịch	45	30	12	3
MĐ 28	Marketing du lịch	60	30	27	3
MĐ 29	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	90	30	54	6
Tổng cộng		660	213	408	39

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, gắn liền với thực tế, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tổ chức, khuyến khích, tạo điều kiện cho học viên tham gia các hoạt động ngoại khóa về ngoại ngữ như dạ hội, câu lạc bộ; tham quan tìm hiểu hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, chức trách và nhiệm vụ của vị trí công

tác đang được đào tạo; tham quan các địa danh lịch sử, văn hóa; tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện và các đợt sinh hoạt chính trị.

- Thời gian cho hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ sáng, 17 giờ đến 18 giờ chiều hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ (qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể)	- Ngoài giờ học chính khóa - Hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện (đọc sách và tham khảo tài liệu)	- Ngoài giờ học chính khóa - Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể do Đoàn Thanh niên tổ chức	Các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Phiên dịch Tiếng Anh Du lịch

Mã nghề: 50220203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Cấp bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm vững kiến thức xã hội và nhân văn đại cương làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ tiếng Anh và chuyên môn nghiệp vụ nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch;

+ Nắm vững kiến thức về bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ;

+ Áp dụng được kiến thức ở trình độ nâng cao về các bình diện ngôn ngữ (hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) tiếng Anh cũng như tiếng Việt, đặc biệt là kiến thức về tiếng Anh Du lịch;

+ Áp dụng được kiến thức nâng cao về lý thuyết dịch, kỹ thuật dịch, mục đích, bản chất, phạm vi và nguyên tắc của công việc biên dịch, phiên dịch;

+ Hiểu được văn hóa Việt Nam và một số nước nói tiếng Anh trên thế giới, kiến thức về giao thoa văn hóa trong môi trường du lịch;

+ Phát triển và hoàn thiện được nghiệp vụ để công tác có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn;

+ Rèn luyện và xây dựng được kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng Anh, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các hoạt động du lịch, điều hành Tour, ...

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ nâng cao tương đương chuẩn TOEIC 605 để phục vụ mục đích nghề nghiệp;

+ Sử dụng được tiếng Việt hiệu quả trong hoạt động du lịch;

+ Áp dụng được kiến thức về lý thuyết dịch và kỹ thuật dịch để thực hiện các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch về các hoạt động du lịch và hành chính;

+ Sử dụng được công cụ kỹ thuật, công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc chuyên môn và học tập;

+ Rèn luyện và phát triển được kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp;

+ Xây dựng được kỹ năng học tập và tư duy khoa học để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

+ Phát triển được khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, khả năng sáng tạo.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm vững được kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Trình bày được các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên cao đẳng nghề Phiên dịch tiếng Anh du lịch có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên lễ tân các Khách sạn hoặc các khu Resort;

- Hướng dẫn viên du lịch bằng tiếng Anh;
- Nhân viên Marketing cho các dự án du lịch;
- Nhân viên làm việc trong các ngành dịch vụ và thương mại;
- Trợ lý cho các trưởng bộ phận ở các Khách sạn hoặc các khu Resort;
- Trợ lý giám đốc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 290 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 20 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2445 giờ; Thời gian học tự chọn: 855 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 814 giờ; Thời gian học thực hành: 2486 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	199	222	29
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	36	36	3
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2445	520	1745	180
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	930	255	627	48
MH 07	Tổng quan du lịch	45	30	12	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 08	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	42	15	3
MH 09	Tâm lý khách du lịch	45	30	12	3
MĐ 10	Tiếng Việt thực hành	60	21	36	3
MĐ 11	Tiếng Anh 1	180	33	138	9
MĐ 12	Tiếng Anh 2	180	33	138	9
MĐ 13	Tiếng Anh 3	180	33	138	9
MĐ 14	Ngữ âm thực hành	90	15	72	3
MĐ 15	Ngữ pháp thực hành	90	18	66	6
<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1515	265	1118	132
MĐ 16	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	27	3
MĐ 17	Nghiệp vụ nhà hàng	45	15	27	3
MĐ 18	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	90	35	47	8
MĐ 19	Marketing du lịch	60	30	27	3
MĐ 20	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	60	15	36	9
MH 21	Lý thuyết dịch	90	62	24	4
MĐ 22	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	180	9	150	21
MĐ 23	Tiếng Anh chuyên ngành lễ hành	180	9	150	21
MĐ 24	Thực hành biên phiên dịch du lịch 1	180	33	141	6
MĐ 25	Thực hành biên phiên dịch du lịch 2	180	33	141	6
MĐ 26	Thực hành nghề tại Cơ sở 1	200	3	174	23
MĐ 27	Thực hành nghề tại Cơ sở 2	205	6	174	25
Tổng cộng		2895	740	1945	210

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Tin học ứng dụng trong du lịch	60	15	40	5
MĐ 29	Marketing nhà hàng	45	15	27	3
MĐ 30	An toàn, an ninh trong khách sạn	30	10	18	2
MĐ 31	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	45	17	26	2
MH 32	Địa lý tài nguyên du lịch Việt Nam	90	60	24	6
MĐ 33	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	90	30	54	6
MĐ 34	Từ vựng thực hành	90	27	60	3
MĐ 35	Thực hành kỹ năng tiếng Anh nâng cao	180	9	150	21
MĐ 36	Ngữ pháp thực hành nâng cao	90	27	60	3
MĐ 37	Cú pháp học	45	21	21	3
MH 38	Ngữ nghĩa học	45	33	9	3
MH 39	Giao thoa văn hóa	45	30	12	3
MĐ 40	Tiếng Trung 1	60	24	33	3
MĐ 41	Tiếng Trung 2	60	24	33	3
MH 42	Cơ sở văn hóa Việt Nam	60	42	15	3
MĐ 43	Kỹ năng giao tiếp	90	30	55	5
MĐ 44	Kỹ năng làm việc	45	20	20	5
MĐ 45	Hành vi khách hàng	45	18	25	2
MĐ 46	Tổ chức sự kiện	60	20	38	2
Tổng cộng		1275	472	720	83

*(Có nội dung chi tiết kèm theo)**1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn*

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bố giữa các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và bắt buộc đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Tin học ứng dụng trong du lịch	60	15	40	5
MĐ 29	Marketing nhà hàng	45	15	27	3
MĐ 30	An toàn, an ninh trong khách sạn	30	10	18	2
MĐ 31	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	45	17	26	2
MH 32	Địa lý tài nguyên du lịch Việt Nam	90	60	24	6
MĐ 33	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	90	30	54	6
MĐ 34	Từ vựng thực hành	90	27	60	3
MĐ 35	Thực hành kỹ năng tiếng Anh nâng cao	180	9	150	21
MĐ 36	Ngữ pháp thực hành nâng cao	90	27	60	3
MĐ 37	Cú pháp học	45	21	21	3
MH 38	Ngữ nghĩa học	45	33	9	3
MH 39	Giao thoa văn hóa	45	30	12	3
Tổng cộng		855	294	501	60

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi thực hành	Không quá 12 giờ
		Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện*

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, gắn liền với thực tế, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tổ chức, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa về ngoại ngữ như dạ hội, câu lạc bộ; tham quan tìm hiểu hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, chức trách và nhiệm vụ của vị trí công tác đang được đào tạo; tham quan các địa danh lịch sử, văn hoá; tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện và các đợt sinh hoạt chính trị.

- Thời gian cho hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo.

Phụ lục 02**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ MARKETING DU LỊCH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Marketing du lịch

Mã nghề: 40340116

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông
theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

- + Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường Du lịch;
- + Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing Du lịch;
- + Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: Truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- + Nhận biết được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp Du lịch;
- + Nhận biết được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp Du lịch;
- + Dự đoán được những phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp Du lịch;

+ Nhận biết và phân đoạn được các thị trường trọng điểm.

- Kỹ năng:

- + Xây dựng được các kế hoạch marketing ngắn hạn, trung hạn;

- + Thực hiện triển khai được các chương trình: Truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- + Tổ chức và thực hiện được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp Du lịch;
- + Thực hiện được các nhiệm vụ chào hàng và bán hàng;
- + Thiết lập được các kênh phân phối chào hàng, bán hàng;
- + Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động marketing Du lịch;
- + Sử dụng được các công cụ truyền thông thông dụng;
- + Có khả năng làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thề chât và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:
 - + Hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước;
 - + Hiểu được kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước và Bộ luật Lao động;
 - + Hiểu được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
 - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;
 - + Có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ hợp tác với đồng nghiệp tích cực, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỉ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các doanh nghiệp;
 - + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;
 - + Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
 - + Luôn ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:
- + Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Hiểu được các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu được những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần giác ngộ cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề, nghề Marketing du lịch, học sinh có thể làm việc tại các vị trí:

- + Tại các doanh nghiệp dịch vụ, thương mại, du lịch, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;
- + Làm nhân viên phụ trách marketing, nhân viên bán hàng, nhân viên chăm sóc khách hàng, nhân viên quan hệ công chúng, nhân viên truyền thông, nhân viên kinh doanh, nhân viên làm quảng cáo chuyên nghiệp và nhân viên tiếp thị.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 320 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1815 giờ; Thời gian học tự chọn: 525 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 689 giờ; Thời gian học thực hành: 1651 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở: 1200 giờ.

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	98	96	16
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	19	23	3
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1815	551	1177	87
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	405	215	166	24
MH 07	Văn bản quản lý nhà nước về du lịch	30	20	8	2
MH 08	Nguyên lý thống kê	30	15	13	2
MH 09	Kinh tế du lịch	75	40	32	3
MH 10	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
MH 11	Marketing căn bản	45	30	12	3
MH12	Soạn thảo văn bản	30	15	12	3
MH 13	Tổng quan du lịch	60	35	22	3
MĐ 14	Tin học ứng dụng	60	20	37	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1410	336	1011	63
MĐ 15	Tiếng Anh chuyên ngành	90	30	55	5
MĐ 16	Nghiên cứu thị trường	60	20	35	5
MĐ 17	Kỹ năng giao tiếp	60	20	37	3
MĐ 18	Tổ chức sự kiện	90	30	55	5
MH 19	Sản phẩm Du lịch	120	70	45	5
MĐ 20	Quan hệ công chúng	90	20	65	5
MĐ 21	Chăm sóc khách hàng	90	30	55	5
MĐ 22	Nghiệp vụ marketing du lịch	220	20	195	5

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Quản trị kênh phân phối	90	30	55	5
MĐ 24	E-Marketing du lịch	75	18	52	5
MĐ 25	Quản lý chất lượng dịch vụ	60	20	35	5
MĐ 26	Nghiệp vụ bán sản phẩm du lịch	45	25	17	3
MĐ 27	Thực tập	320	3	310	7
Tổng cộng		2025	657	1264	104

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Môi trường, an ninh - an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MĐ 30	Thiết kế đồ họa	75	20	52	3
MH 31	Văn hóa doanh nghiệp	60	45	12	3
MH 32	Kinh tế du lịch	75	45	25	5
MĐ 33	Nghiên cứu thị trường	60	12	45	3
MH 34	Hoạt động khuyến mãi	90	20	67	3
MĐ 35	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MH 36	Quản trị kênh phân phối	90	57	30	3
MĐ 37	Quản lý đội ngũ	45	20	22	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Thời gian đào tạo các môn học bắt buộc chiếm khoảng 70%, thời gian học các môn học mô đun tự chọn chiếm khoảng 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Thời gian học thực hành chiếm 70%, thời gian học lý thuyết chiếm 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể chọn 9 môn học/mô đun như trong bảng dưới để đảm bảo số giờ học tự chọn:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Môi trường, an ninh - an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MĐ 30	Thiết kế đồ họa	75	20	52	3
MH 31	Văn hóa doanh nghiệp	60	45	12	3
MH 32	Kinh tế du lịch	75	45	25	5
MĐ 33	Nghiên cứu thị trường	60	12	45	3
MH 34	Hoạt động khuyến mãi	90	20	67	3
MĐ 35	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
Tổng cộng		495	187	285	23

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Nghiên cứu marketing, Quan hệ công chúng, Quản trị marketing, Quản trị thương hiệu;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Nghiệp vụ marketing Du lịch.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ Không quá 4 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp chuyên làm Truyền thông;

+ Tổ chức cho học sinh tham gia những chương trình Tổ chức sự kiện, Hội chợ triển lãm;

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp lữ hành, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ vui chơi giải trí.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

STT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, cơ sở dạy nghề đã sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình khung này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, trường cần giảng dạy bổ sung số giờ cho những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn trong chương trình trung cấp nghề chưa giảng dạy.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Marketing du lịch

Mã nghề: 50340116

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 44

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường Du lịch;
- + Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing du lịch;
- + Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: Truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- + Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp Du lịch;
- + Phân tích được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp Du lịch;
- + Dự đoán được những phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp Du lịch;
- + Nhận biết và phân đoạn được các thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp Du lịch;

+ Phân biệt được chiến lược marketing cho các nhóm khách hàng khác nhau.

- Kỹ năng:

- + Xây dựng được các chiến lược marketing ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- + Thiết lập và duy trì được chính sách giá của sản phẩm dịch vụ;
- + Phân đoạn và lựa chọn được thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp Du lịch;
- + Lập được kế hoạch và thực hiện được các chương trình: Truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- + Tổ chức được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp Du lịch;
- + Lập được dự toán kinh phí cho các hoạt động marketing Du lịch;
- + Lựa chọn được nhân lực cho hoạt động marketing Du lịch;

- + Thiết lập được các kênh phân phối chào hàng, bán hàng và đề xuất các phương pháp cải tiến sản phẩm dịch vụ;
- + Tổ chức được các chương trình huấn luyện - đào tạo đội ngũ nhân viên marketing;
- + Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động marketing Du lịch;
- + Đánh giá được hoạt động marketing và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo;
- + Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông thông dụng;
- + Có khả năng làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:
 - + Hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước;
 - + Hiểu được kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước và Bộ Luật Lao động;
 - + Hiểu được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;
 - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;
 - + Có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ hợp tác với đồng nghiệp tích cực, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tử mỹ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các doanh nghiệp;
 - + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;
 - + Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
 - + Luôn ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
 - + Hiểu được các phương pháp rèn luyện thể chất;
 - + Hiểu được những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần giác ngộ cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ cao đẳng nghề, nghề Marketing du lịch, sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

+ Làm việc tại một số phòng ban có tính chất quản lý trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

+ Làm trưởng nhóm phụ trách marketing; phụ trách nhóm bán sản phẩm dịch vụ;

+ Làm nhân viên phụ trách marketing, nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý và chăm sóc khách hàng, nhân viên quan hệ công chúng, nhân viên truyền thông, nhân viên kinh doanh, nhân viên làm quảng cáo chuyên nghiệp và nhân viên tiếp thị;

+ Khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2500 giờ; Thời gian học tự chọn: 800 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 990 giờ; Thời gian học thực hành: 2310 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	199	222	29
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MĐ 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	36	36	3
MĐ 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2500	689	1699	112
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	540	246	265	29
MH 07	Tổng quan du lịch	75	35	35	5
MH 08	Văn bản quản lý nhà nước về du lịch	30	20	8	2
MH 09	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
MH 11	Kinh tế Du lịch	75	40	32	3
MĐ 12	Định giá sản phẩm du lịch	75	20	52	3
MH 13	Marketing căn bản	60	30	27	3
MĐ 14	Nghiệp vụ văn phòng	45	16	26	3
MĐ 15	Tin học ứng dụng	60	15	42	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1960	443	1434	83
MĐ 16	Tiếng Anh chuyên ngành	120	30	84	6
MĐ 17	Kỹ năng giao tiếp	60	20	37	3
MĐ 18	Nghiên cứu thị trường	60	20	37	3
MH 19	Sản phẩm du lịch	120	60	55	5
MĐ 20	Tổ chức sự kiện	90	30	55	5
MĐ 21	Chăm sóc khách hàng	90	30	57	3
MH 22	Quản trị bán hàng	30	20	8	2
MĐ 23	Nghiệp vụ bán sản phẩm du lịch	45	25	17	3
MĐ 24	Quản trị kênh phân phối	90	30	55	5
MĐ 25	Quan hệ công chúng	120	30	85	5
MĐ 26	E -Marketing du lịch	120	30	84	6

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Quản trị marketing	120	30	85	5
MĐ 28	Quản lý chất lượng dịch vụ	75	20	50	5
MĐ 29	Xúc tiến quảng bá điểm đến du lịch	75	20	51	4
MĐ 30	Nghiệp vụ quảng cáo	45	15	27	3
MĐ 31	Nghiệp vụ marketing du lịch	280	30	235	15
MĐ 32	Thực tập	420	3	412	5
Tổng cộng		2950	910	1898	142

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	An ninh - an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MĐ 34	Thiết kế đồ họa	75	20	52	3
MH 35	Văn hóa doanh nghiệp	60	35	22	3
MH 36	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 37	Xã hội học đại cương	45	25	17	3
MĐ 38	Marketing Quốc tế	45	20	22	3
MH 39	Tâm lý học đại cương	45	25	17	3
MĐ 40	Kỹ thuật làm phim	90	20	65	5

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 41	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MĐ 42	Kỹ năng huấn luyện nhân lực	90	30	57	3
MH 43	Quản trị Thương hiệu	90	50	37	3
MH 44	Quản trị tài chính doanh nghiệp	60	30	27	3
MH 45	Quản trị chiến lược	125	70	50	5
MH 46	Quản trị học	45	25	17	3
MH 47	Quản lý nhân sự	45	20	22	3
Tổng cộng		995	445	501	49

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Thời gian đào tạo các môn học bắt buộc chiếm khoảng 70%, thời gian học các môn học mô đun tự chọn chiếm khoảng 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Thời gian học thực hành chiếm 69%, thời gian học lý thuyết chiếm 31% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các môn học/mô đun như trong bảng sau:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	An ninh - an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MH 36	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 37	Xã hội học đại cương	45	25	17	3
MĐ 38	Marketing Quốc tế	45	15	27	3
MH 39	Tâm lý học đại cương	45	25	17	3
MĐ 40	Kỹ thuật làm phim	90	20	65	5
MĐ 41	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MĐ 42	Kỹ năng huấn luyện nhân lực	90	30	57	3
MH 43	Quản trị thương hiệu	90	50	37	3
MH 45	Quản trị chiến lược	125	70	50	5
MH 46	Quản trị học	45	25	17	3
MH 47	Quản lý nhân sự	45	20	22	3
Tổng cộng		800	355	405	40

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Nghiên cứu marketing, Quan hệ công chúng, Quản trị marketing, Quản trị thương hiệu;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Nghiệp vụ marketing Du lịch.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện*

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp chuyên làm Truyền thông;

+ Tổ chức cho sinh viên tham gia những chương trình Tổ chức sự kiện, Hội chợ triển lãm;

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp lữ hành, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ vui chơi giải trí.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, cơ sở dạy nghề đã sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Phụ lục 03
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ KỸ THUẬT LÀM BÁNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật làm bánh

Mã nghề: 40810206

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm vững, thông hiểu và vận dụng được một số kiến thức cơ bản và nâng cao về kỹ thuật làm bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Hiểu và trình bày được quy trình làm bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Nắm vững các kiến thức bổ trợ cần thiết cho nghề kỹ thuật làm bánh như: quản trị tác nghiệp, sinh lý dinh dưỡng, thương phẩm và an toàn thực phẩm, văn hóa ẩm thực, hạch toán định mức, xây dựng thực đơn, nghiệp vụ chế biến món ăn tráng miệng;

+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất;

+ Có các kiến thức về tin học và ngoại ngữ.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn được nguyên liệu và sử dụng đúng các trang thiết bị, dụng cụ trong làm bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Chế biến được các loại bột cơ bản;

- + Chế biến được các loại nhân bánh;
- + Thực hiện được việc chế biến một số loại bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;
- + Thực hiện thành thạo và đúng quy trình kỹ thuật làm bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;
- + Chế biến được một số loại bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu ở kỹ thuật tương đối cao.
- + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản vào công việc làm bánh tại khách sạn, nhà hàng và các cơ sở kinh doanh khác;
- + Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết về đường lối của Đảng;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
 - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật;
 - + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;
 - + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ;
 - + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất và quốc phòng:
 - + Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các khu du lịch, giải trí...;
 - + Có hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh;
 - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể làm việc ở các vị trí: nhân viên chế biến trực tiếp, tổ trưởng các tổ (bánh mỳ, bánh ngọt...), các vị trí quan trọng khác trong bếp bánh.
- Có thể làm việc được tại các khách sạn, nhà hàng, resort hoặc các cơ sở sản xuất khác.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 104 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2.750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 180 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2.540 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1880 giờ ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 739 giờ; Thời gian học thực hành: 1801 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	98	96	16
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	19	23	3
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1880	483	1300	97

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	165	128	27	10
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	30	28	-	2
MH 08	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	45	42	-	3
MH 09	Sinh lý dinh dưỡng	45	43	-	2
MH 10	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1715	355	1273	87
MĐ 11	Anh văn chuyên ngành	200	70	114	16
MH 12	Quản trị tác nghiệp	90	85	-	5
MH 13	Hạch toán định mức	45	27	15	3
MH 14	Tổng quan bếp bánh	30	27	-	3
MĐ 15	Kỹ thuật chế biến bánh Á	150	30	110	10
MĐ 16	Kỹ thuật chế biến bánh Âu	210	30	165	15
MĐ 17	Kỹ thuật chế biến bánh mì	90	20	65	5
MĐ 18	Chế biến món ăn tráng miệng	150	30	100	20
MĐ 19	Nghiệp vụ nhà hàng	150	36	104	10
MĐ 20	Thực hành chế biến bánh tại cơ sở	600	-	600	-
Tổng cộng		2090	590	1386	114

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Kỹ thuật chế biến món ăn	120	30	80	10
MĐ 22	Kỹ thuật pha chế đồ uống	90	24	60	6
MH 23	Marketing du lịch	45	43	-	2
MH 24	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MH 25	Quản trị chất lượng	45	42	-	3
MĐ 26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	75	42	27	6
MH 27	Tin học ứng dụng	45	15	27	3
MĐ 28	Tiếng Anh nâng cao	150	30	110	10
MĐ 29	Xây dựng thực đơn	45	15	25	5
MH 30	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MĐ 31	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 32	Quản trị nguồn nhân lực	45	15	27	3
MH 33	Thông kê kinh doanh	45	42	-	3
MĐ 34	Tổ chức sự kiện	45	15	27	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo quỹ thời gian thực học tự chọn tối thiểu quy định trong chương trình khung.

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các trường cần căn cứ vào đặc thù riêng của từng ngành và điều kiện cụ thể của trường như:

- + Nhu cầu của học sinh (nhu cầu của doanh nghiệp);
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các trường có thể chọn trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 645 giờ (chiếm 25,7% tổng thời gian các môn đào tạo nghề) trong đó có ít nhất 350 giờ thực hành.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 9 trong số 14 mô đun, môn học có trong danh mục mô đun, môn học tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Kỹ thuật chế biến món ăn	120	30	80	10
MĐ 22	Kỹ thuật pha chế đồ uống	90	24	60	6
MH 23	Marketing du lịch	45	43	-	2
MH 24	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MH 25	Quản trị chất lượng	45	42	-	3
MĐ 26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	75	42	27	6
MH 27	Tin học ứng dụng	45	15	27	3
MĐ 28	Tiếng Anh nâng cao	150	30	110	10
MĐ 29	Xây dựng thực đơn	45	15	25	5
Tổng cộng		660	256	356	48

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: Quản trị tác nghiệp - Thực hành nghề: Chế biến bánh - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Nội dung	Thời gian
1. Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2. Văn hóa, văn nghệ - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi tối trong tuần
3. Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4. Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức vào các buổi giao lưu, sinh hoạt vào các buổi tối thứ 7 và chủ nhật
5. Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại cơ sở là bao gồm những nội dung học sinh đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại các cơ sở theo ba hướng:

+ Học sinh thực hành tại các cơ sở làm bánh, nhà hàng, khách sạn, resort... có công việc phù hợp với nghề nghiệp. Trong trường hợp này cần có giáo viên hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn Học sinh;

+ Thực hành các nghiệp vụ làm bánh (có giáo viên hướng dẫn) tại các phòng, xưởng của nhà trường hoặc các cơ sở do nhà trường liên kết, thỏa thuận;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật làm bánh

Mã nghề: 50810206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm vững, thông hiểu và vận dụng được một số kiến thức cơ bản và nâng cao về kỹ thuật chế biến bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Hiểu và trình bày được quy trình chế biến bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Hiểu rõ các kiến thức cần thiết cho nghiệp vụ kỹ thuật làm bánh như: Tổng quan du lịch và khách sạn, Tâm lý khách du lịch, giao tiếp trong kinh doanh, văn hóa ẩm thực, thương phẩm và an toàn thực phẩm, sinh lý dinh dưỡng, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ chế biến món ăn tráng miệng, xây dựng thực đơn...;

+ Nắm được các kiến thức về tổ chức làm việc theo nhóm và một số kiến thức quản lý, quản lý nghiệp vụ kỹ thuật làm bánh cơ bản như: Quản trị tác nghiệp, hạch toán định mức, quản lý chất lượng, quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, pháp luật kinh tế, marketing du lịch...;

+ Có kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; các kiến thức về tin học và ngoại ngữ.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn được nguyên liệu và sử dụng đúng các trang thiết bị, dụng cụ trong chế biến bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Thực hiện được việc chế biến vỏ bánh Á - Âu;

+ Chế biến được các loại nhân bánh Á - Âu;

+ Chế biến được các loại kem cơ bản;

+ Chế biến được các loại bột cơ bản;

+ Thực hiện được việc chế biến một số loại bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Thực hiện thành thạo và đúng quy trình kỹ thuật chế biến bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu;

+ Chế biến được một số loại bánh và món ăn tráng miệng Á - Âu ở kỹ thuật tương đối cao;

+ Chế biến được các loại bánh mì phục vụ điểm tâm và tiệc;

+ Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác Lê-Nin và Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp của địa phương, khu vực, vùng, miền;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỉ mỉ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hoặc công ty kinh doanh về lĩnh vực Bánh;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật;

+ Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các khu du lịch, giải trí...;

+ Có hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi học xong chương trình, sinh viên có thể đảm đương được các vị trí từ nhân viên chế biến trực tiếp, tổ trưởng các tổ (Bánh mì, bánh ngọt...) đến các vị trí quan trọng khác trong bếp.

- Có thể làm việc được tại các cơ sở kinh doanh ăn uống, các khách sạn, Resort đẳng cấp quốc tế.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Thời gian học tập: 152 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3.750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 240 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3.300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2470 giờ; Thời gian học tự chọn: 830 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 941 giờ; Thời gian học thực hành: 2359 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	199	222	29
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	36	36	3
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2470	625	1733	112
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	255	185	54	16
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	30	28	-	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 08	Tin học ứng dụng	45	15	27	3
MH 09	Thống kê kinh doanh	45	42	-	3
MH 10	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	45	42	-	3
MH 11	Sinh lý dinh dưỡng	45	43	-	2
MH 12	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2215	440	1679	96
MĐ 13	Anh văn chuyên ngành	300	100	180	20
MH 14	Tổng quan bếp bánh	30	27	-	3
MĐ 15	Kỹ thuật chế biến bánh Á	250	45	195	10
MĐ 16	Kỹ thuật chế biến bánh Âu	300	60	225	15
MĐ 17	Kỹ thuật chế biến bánh mì và bánh Âu nâng cao	150	30	110	10
MĐ 18	Chế biến món ăn tráng miệng	150	30	100	20
MH 19	Quản trị tác nghiệp	90	85	-	5
MH 20	Hạch toán định mức	45	27	15	3
MĐ 21	Nghiệp vụ nhà hàng	150	36	104	10
MĐ 22	Thực hành chế biến bánh tại cơ sở	750	-	750	-
Tổng cộng		2920	846	1932	142

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Nghiệp vụ nhà hàng	150	36	104	10
MH 21	Marketing du lịch	45	43	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 22	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
MĐ 23	Xây dựng thực đơn	45	15	25	5
MH 24	Kỹ thuật pha chế đồ uống	90	24	60	6
MĐ 25	Kỹ thuật trang trí cắm hoa	75	27	43	5
MĐ 26	Kỹ thuật trang trí bánh kem	75	25	45	5
MĐ 27	Tiếng anh nâng cao	210	45	150	15
MH 28	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MĐ 29	Kỹ năng giám sát	45	20	23	2
MH 30	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MH 31	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 32	Quản trị nguồn nhân lực	45	15	27	3
MĐ 33	Tổ chức sự kiện	45	15	27	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo quỹ thời gian thực học tự chọn tối thiểu quy định trong chương trình khung.

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các trường cần căn cứ vào đặc thù riêng của từng ngành và điều kiện cụ thể của trường như:

- + Nhu cầu của người học (nhu cầu của doanh nghiệp);
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các trường có thể chọn một, hai,... trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 855 giờ (chiếm 26% tổng thời gian các môn đào tạo nghề) trong đó có ít nhất 500 giờ thực hành.

- Ví dụ có thể lựa chọn 11 trong số 15 mô đun, môn học có trong danh mục tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 23	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MĐ 24	Kỹ thuật chế biến món ăn	120	30	80	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Kỹ thuật pha chế đồ uống	90	24	60	6
MĐ 26	Kỹ thuật trang trí bánh kem	75	20	50	5
MĐ 27	Kỹ thuật trang trí cắm hoa	60	20	35	5
MH 28	Marketing du lịch	45	43	-	2
MH 29	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	45	15	27	3
MH 30	Quản trị chất lượng	45	42	-	3
MĐ31	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	75	42	27	6
MĐ 32	Tiếng Anh nâng cao	200	45	145	10
MĐ 33	Xây dựng thực đơn	45	15	25	5
Tổng cộng		830	316	457	57

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: Quản trị tác nghiệp - Thực hành nghề: Chế biến bánh - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 150 phút Không quá 24h Không quá 24h

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Nội dung	Thời gian
1. Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2. Văn hóa, văn nghệ - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi tối trong tuần

Nội dung	Thời gian
3. Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4. Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức vào các buổi giao lưu, sinh hoạt vào các buổi tối thứ 7 và chủ nhật
5. Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề kỹ thuật làm bánh tại các cơ sở theo ba hướng:

+ Sinh viên thực hành tại các cơ sở chế biến bánh, nhà hàng, khách sạn, resort... có công việc phù hợp với nghề nghiệp. Trong trường hợp này cần có giáo viên hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ chế biến bánh (có giáo viên hướng dẫn) tại các phòng, xưởng của nhà trường hoặc các cơ sở do nhà trường liên kết, thỏa thuận;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

Phụ lục 04
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BLĐTBXH
ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Điều Dưỡng

Mã nghề: 40720501

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học bổ sung phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 30

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để tiếp đón người bệnh, làm các thủ tục hành chính, hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh thực hiện nội quy của các cơ sở y tế;

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để theo dõi được các dấu hiệu sinh tồn, chất thải, tình trạng ăn - uống, trạng thái tâm - sinh lý của người bệnh.... Theo dõi và báo cáo những diễn biến bất thường cho Thầy thuốc;

+ Nắm vững kiến thức về chuyên môn để nhận định được tình trạng người bệnh để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc;

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh, sơ cứu và cấp cứu ban đầu, người bệnh hấp hối và tử vong;

+ Hiểu rõ các công việc về hành chính, quản lý hồ sơ sổ sách, bệnh án theo sự phân công;

+ Vận dụng được các kiến thức chuyên môn đã học để tư vấn sức khỏe cho cộng đồng và chăm sóc người bệnh;

+ Nắm vững chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể;

+ Hiểu được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người từ đó có các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;

+ Có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón được người bệnh, làm các thủ tục hành chính, hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh thực hiện nội quy của các cơ sở y tế;

+ Theo dõi được các dấu hiệu sinh tồn, chất thải, tình trạng ăn - uống, trạng thái tâm - sinh lý của người bệnh.... Theo dõi và báo cáo được những diễn biến bất thường cho Thầy thuốc;

+ Nhận định được tình trạng của người bệnh để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc;

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh, thực hiện sơ cứu và cấp cứu ban đầu, chăm sóc được người bệnh trong tình trạng hấp hối;

+ Thực hiện được các y lệnh của thầy thuốc đối với người bệnh;

+ Phụ giúp được thầy thuốc khi khám bệnh, thực hiện được các thủ thuật chẩn đoán, điều trị, giúp người bệnh vận động, luyện tập, phục hồi chức năng;

+ Hướng dẫn được người bệnh, người nhà bệnh nhân cách tự chăm sóc sau khi khám và điều trị;

+ Phổ biến được kiến thức về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người bệnh và người nhà bệnh nhân;

+ Tham gia hướng dẫn, huấn luyện được cho nhân viên mới và học sinh y tế thực tập tại đơn vị;

+ Làm được các công tác hành chính, quản lý hồ sơ sổ sách, bệnh án theo sự phân công;

+ Quản lý và bảo quản được các loại dụng cụ, thuốc men, trang thiết bị trong khoa, phòng, đơn vị;

+ Phối hợp với các nhân viên y tế khác để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- + Có lòng yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;
- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;
- + Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.
- Thể chất, quốc phòng:
- + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;
- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;
- + Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề Điều dưỡng có thể làm việc:

- Làm việc tại các khoa phòng của phòng khám bệnh tư nhân.
- Làm việc tại các trung tâm thực hành khám chữa bệnh, các trung tâm y tế, các viện dưỡng lão, các bệnh viện.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 324 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 90 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1875 giờ; Thời gian học tự chọn: 465 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 603 giờ; Thời gian học thực hành: 1737 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	98	96	16
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	19	23	3
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	1875	487	1267	121
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	600	273	283	44
MĐ07	Giải phẫu - Sinh lý	110	48	55	7
MH 08	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	30	28	0	2
MĐ 09	Dược lý	60	28	30	2
MĐ 10	Điều dưỡng cơ sở I	90	28	55	7
MH 11	Kỹ năng giao tiếp	30	28	0	2
MĐ 12	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	60	28	30	2
MĐ 13	Sức khỏe - Môi trường vệ sinh - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	45	15	28	2
MH 14	Y đức	30	28	0	2
MĐ 15	Y học cổ truyền	55	14	36	5
MĐ 16	Điều dưỡng cơ sở II	90	28	55	7
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1275	214	984	77
MĐ17	Thực tập Điều dưỡng bệnh viện	120	0	110	10

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 18	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	165	43	112	10
MĐ 19	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	165	43	112	10
MĐ 20	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	140	28	102	10
MĐ 21	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	140	28	102	10
MĐ 22	Chăm sóc bệnh truyền nhiễm	125	43	72	10
MĐ 23	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	45	15	28	2
MĐ 24	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	55	14	36	5
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	320	0	310	10
	Tổng cộng	2085	594	1353	138

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 70% đến 85% và lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 15% đến 30%.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các cơ sở dạy nghề tham khảo là 9 môn học, mô đun, chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Giáo dục sức khỏe và thực hành Điều dưỡng	45	15	28	2
MĐ 27	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	95	15	75	5
MĐ 28	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	45	14	29	2
MĐ 29	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao	110	30	75	5
MĐ 30	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	150	28	112	10
MĐ 31	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	160	38	112	10
MĐ 32	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	55	14	36	5
MĐ 33	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	55	14	36	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn 5 môn học, mô đun như ở bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	45	14	29	2
MĐ 30	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	150	28	112	10

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	160	38	112	10
MĐ 32	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	55	14	36	5
MĐ 33	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	55	14	36	5
	TỔNG	465	116	330	29

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 90 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 60 phút Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

+ Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;

+ Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Nghề Điều dưỡng

Mã nghề: 50720501

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Hiểu được các kiến thức chuyên môn trong việc tiếp đón người bệnh, các thủ tục hành chính, nội quy của các cơ sở y tế;

+ Nắm vững kiến thức về các dấu hiệu sinh tồn, chất thải, tình trạng ăn - uống, trạng thái tâm - sinh lý của người bệnh;

+ Hiểu rõ các kiến thức về chuyên môn về lập kế hoạch chăm sóc người bệnh, sơ cứu và cấp cứu ban đầu;

+ Hiểu rõ các công việc hành chính, quản lý hồ sơ sổ sách, bệnh án theo sự phân công;

+ Có kiến thức về các loại dụng cụ, thuốc men, trang thiết bị trong khoa, phòng, đơn vị;

+ Nắm vững các chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể;

+ Có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón được người bệnh, làm các thủ tục hành chính, hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh thực hiện nội quy của các cơ sở y tế;

+ Theo dõi được các dấu hiệu sinh tồn, chất thải, tình trạng ăn - uống, trạng thái tâm - sinh lý của người bệnh.... Theo dõi và báo cáo được những diễn biến bất thường cho Thầy thuốc;

+ Nhận định được tình trạng người bệnh để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc;

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh;

+ Thực hiện được các y lệnh của thầy thuốc đối với người bệnh;

- + Phụ giúp được thầy thuốc khi khám bệnh, thực hiện được các thủ thuật chẩn đoán, điều trị;
- + Thực hiện được việc sơ cứu và cấp cứu ban đầu, chăm sóc được người bệnh hấp hối, giúp người bệnh vận động, luyện tập, phục hồi chức năng;
- + Hướng dẫn được cho người bệnh, người nhà bệnh nhân cách tự chăm sóc sau khi khám và điều trị;
- + Phổ biến được những kiến thức về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người bệnh và người nhà bệnh nhân;
- + Tham gia hướng dẫn, huấn luyện được cho nhân viên mới và học sinh y tế thực tập tại đơn vị;
- + Thực hiện được các công việc hành chính, quản lý hồ sơ sổ sách, bệnh án theo sự phân công;
- + Quản lý và bảo quản được các loại dụng cụ, thuốc men, trang thiết bị trong khoa, phòng, đơn vị;
- + Tham gia xây dựng, lập kế hoạch và thực hiện được quy trình điều dưỡng;
- + Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- + Phối hợp với các nhân viên y tế khác để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh;
- + Có khả năng tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- + Có lòng yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;
- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;
- + Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:
- + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;
- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;
- + Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong chương trình cao đẳng nghề Điều dưỡng, sinh viên có thể:

- Làm việc tại các khoa phòng của phòng khám bệnh tư nhân.
- Làm việc tại các trung tâm thực hành khám chữa bệnh, các trung tâm y tế, các viện dưỡng lão, các bệnh viện.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 450 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 90 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2530 giờ; Thời gian học tự chọn: 770 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 960 giờ; Thời gian học thực hành: 2340 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	199	222	29
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	36	36	3
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	2530	761	1610	159
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	890	415	423	52
MĐ 07	Xác suất, Thống kê y học	45	15	28	2
MĐ 08	Sinh học và Di truyền	45	14	29	2
MH 09	Hóa học	30	28	0	2
MĐ 10	Giải phẫu - Sinh lý	140	58	72	10
MĐ 11	Hóa sinh	60	28	30	2
MĐ 12	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	60	28	30	2
MĐ 13	Dược lý	60	28	30	2
MĐ 14	Điều dưỡng cơ sở I và II	165	42	110	13
MH 15	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	30	28	0	2
MĐ 16	Dinh dưỡng - Tiết chế	60	28	30	2
MH 17	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	30	28	0	2
MH 18	Pháp luật và Tổ chức Y tế	30	28	0	2
MĐ 19	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	50	20	28	2
MH 20	Y đức	30	28	0	2
MĐ 21	Y học cổ truyền	55	14	36	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1640	346	1187	107
MĐ 22	Truyền thông giáo dục sức khỏe	60	28	30	2
MĐ 23	Quản lý điều dưỡng	60	28	30	2
MĐ 24	Thực tập điều dưỡng bệnh viện	120	0	110	10
MĐ 25	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	45	15	28	2
MĐ 26	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	165	43	110	12
MĐ 27	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	60	19	36	5
MĐ 28	Phục hồi chức năng	60	24	30	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	150	28	110	12
MĐ 30	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	110	28	72	10
MĐ 31	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	110	28	72	10
MĐ 32	Chăm sóc bệnh truyền nhiễm	125	43	72	10
MĐ 33	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	125	43	72	10
MĐ 34	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	130	19	105	6
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	320	0	310	10
	Tổng cộng	2860	963	1714	183

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng nghề cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng nghề, từng địa phương hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15% đến 35%.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 9 môn học, mô đun như trong bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 36	Sinh lý bệnh	60	30	28	2
MĐ 37	Giao tiếp và thực hành Điều dưỡng	45	15	28	2
MĐ 38	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	60	19	36	5
MĐ 39	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	110	28	72	10
MĐ 40	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao	110	28	72	10
MĐ 41	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	160	38	112	10
MĐ 42	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	165	43	112	10
MĐ 43	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Chuyên khoa	165	43	105	17
MH 44	Thực hành nghiên cứu khoa học	60	30	28	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 6 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 38	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	60	19	36	5
MĐ 39	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	110	28	72	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 40	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao	110	28	72	10
MĐ 41	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	160	38	112	10
MĐ 42	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	165	43	112	10
MĐ 43	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Chuyên khoa	165	43	105	17
	TỔNG	900	199	509	62

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 60 phút Không quá 4 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết và thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết với thực hành	Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

+ Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;

+ Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo.

Phụ lục 05**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BLĐTBXH
ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội

Mã nghề: 40340302

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội tại các tổ chức, doanh nghiệp;

+ Có kiến thức cơ bản về tổ chức quản lý lao động, chế độ của người lao động như: lập kế hoạch lao động, bố trí lao động theo vị trí việc làm, lập kế hoạch tiền lương, bảo hiểm và hoạch toán kế toán tiền lương, bảo hiểm;

+ Hiểu được phương pháp và cách sử dụng các thiết bị văn phòng, các chương trình phần mềm tin học thông dụng quản lý lao động, phần mềm kế toán tiền lương và phần mềm bảo hiểm xã hội;

+ Xác định phương pháp cập nhật các chính sách phát triển kinh tế, các chế độ lao động, luật kế toán tiền lương, và bảo hiểm xã hội vào công tác hoạch toán kế toán, lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội tại các tổ chức, doanh nghiệp;

+ Thu thập thông tin, kiểm tra và báo cáo được tình hình sử dụng lao động, hoạch toán kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội cho các nhà quản lý.

- Kỹ năng:

- + Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội;
- + Lập được các hồ sơ báo cáo tình hình sử dụng lao động, đăng ký thang bảng lương và bảo hiểm xã hội;
- + Lập được kế hoạch lao động, các chế độ về lao động theo đúng quy định;
- + Lập được báo cáo kế toán lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội và báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định;
- + Sử dụng chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết theo quy định;
- + Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán tiền lương, quản lý lao động và bảo hiểm xã hội;
- + Tổ chức hạch toán công tác kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, phương pháp quản lý nhân sự phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;
- + Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý lao động tại các tổ chức;
- + Tham mưu được cho lãnh đạo tại các tổ chức những ý kiến phù hợp làm cho công tác hoạch toán kế toán, quản lý lao động và bảo hiểm xã hội đúng pháp luật;
- + Kỹ năng làm việc độc lập;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- + Giáo dục cho người học lòng yêu nước và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;
- + Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, đèn kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong chương trình trung cấp nghề, học sinh có thể làm việc trong các doanh nghiệp ở các vị trí sau:

- Kế toán tiền lương;

- Kế toán thuế thu nhập cá nhân;

- Thống kê nhân sự;

- Giải quyết chế độ lao động;

- Kế toán các khoản thu chi bảo hiểm.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn và thi: 280giờ; trong đó thi tốt nghiệp 80 giờ.

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học nghề bắt buộc: 1815 giờ; Thời gian học nghề tự chọn: 525 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 737 giờ; Thời gian học thực hành: 1603 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học sơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	98	96	16
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	19	23	3
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Tiếng Anh	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1.815	480	1.184	151
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	360	200	139	21
MH 07	Luật kinh tế	45	25	18	2
MĐ 08	Soạn thảo văn bản	45	15	27	3
MH 09	Anh văn chuyên ngành	60	30	26	4
MH 10	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 11	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 12	Lý thuyết tài chính tiền tệ	45	30	13	2
MH 13	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1.455	280	1.045	130
MH 14	Luật lao động	60	30	25	5
MH 15	Luật bảo hiểm xã hội	60	30	25	5
MH 16	Marketing	45	25	15	5
MĐ 17	Tài chính doanh nghiệp	75	20	50	5
MĐ 18	Thuế	60	20	35	5
MĐ 19	Quản trị doanh nghiệp	75	15	55	5
MĐ 20	Kế toán tài chính	120	30	80	10
MĐ 21	Kế toán tiền lương và các khoản theo lương	90	20	60	10
MĐ 22	Tổ chức và quản lý lao động	75	20	50	5
MĐ 23	Thiết lập hệ thống thang bảng lương	75	20	50	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Thông kê lao động trong doanh nghiệp	60	30	25	5
MĐ 25	Tin học kế toán	60	20	35	5
MĐ 26	Thực tập nghề nghiệp	190	-	170	20
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	410	-	370	40
	Tổng cộng	2.025	586	1.271	168

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75% và lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%.

- Ban chủ nhiệm chương trình gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 16 môn học, mô đun chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Kinh tế quốc tế	45	30	13	2
MH 29	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MĐ 30	Quản trị tài chính hiện đại	90	15	70	5
MH 31	Thị trường ngoại hối	45	30	10	5
MH 32	Thị trường chứng khoán	45	30	12	3
MH 33	Thị trường tài chính	60	45	10	5
MH 34	Toán tài chính	60	30	26	4
MĐ 35	Chế độ chính sách về lương và bảo hiểm xã hội	60	30	25	5
MH 36	Tài chính quốc tế	75	42	28	5
MĐ 37	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 38	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MH 39	Kinh tế phát triển	60	30	26	4
MĐ 40	Kế toán ngân hàng	60	15	40	5
MĐ 41	Kế toán hành chính sự nghiệp	60	15	40	5
MH 42	Quản trị học	45	25	17	3
MĐ 43	Quản trị nhân sự	60	20	35	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này đã xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể chọn 9/16 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ tự chọn là 465 giờ.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Kinh tế quốc tế	45	30	13	2
MH 31	Thị trường ngoại hối	45	30	10	5
MH 32	Thị trường chứng khoán	45	30	12	3
MĐ 35	Chế độ chính sách về lương và bảo hiểm xã hội	60	30	25	5
MH 36	Tài chính quốc tế	75	42	28	5
MĐ 37	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 38	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MĐ 40	Kế toán hành chính sự nghiệp	60	15	40	5
MĐ 41	Kế toán ngân hàng	60	15	40	5
	Tổng cộng	525	257	231	37

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về Luật lao động; Luật bảo hiểm xã hội; Quản trị nhân sự;

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về Kế toán lao động tiền lương; Thiết lập hệ thống thang bảng lương.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, Trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp <i>(tích hợp lý thuyết với thực hành)</i>	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng, dây chuyền sản xuất, kho cấp phát nguyên liệu của các công ty, nhà máy;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học/mô đun

4. Các chú ý khác

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình phòng mô phỏng kế toán để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các bộ chứng từ của từng loại hình doanh nghiệp;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội

Mã nghề: 50340302

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội tại các tổ chức, doanh nghiệp;

+ Có kiến thức cơ bản về hoạch toán kế toán, lao động, bảo hiểm xã hội phân tích, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán tiền lương, lao động, bảo hiểm xã hội;

+ Nắm vững kiến thức về các thiết bị văn phòng, các chương trình phần mềm quản lý lao động, phần mềm kế toán và phần mềm bảo hiểm xã hội;

+ Xác định và lựa chọn phương pháp cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ lao động, kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội vào công tác quản lý lao động, hoạch toán kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội;

+ Thu thập thông tin, kiểm tra, đánh giá được tình hình sử dụng lao động, phương pháp tính lương và bảo hiểm xã hội tại các tổ chức, doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập được các chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội;

+ Lập được các hồ sơ báo cáo tình hình sử dụng lao động, đăng ký thang bảng lương và bảo hiểm xã hội;

+ Lập được kế hoạch lao động, các chế độ về lao động theo đúng quy định;

+ Lập được báo cáo kế toán lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội và báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định;

+ Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán tiền lương, quản lý lao động và bảo hiểm xã hội;

- + Lựa chọn, tổ chức hạch toán công tác kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, phương pháp quản lý nhân sự phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;
- + Kiểm tra, phân loại, sử dụng chứng từ kế toán ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết theo quy định;
- + Kiểm tra, phân tích, đánh giá các báo cáo về lao động, bảng thanh toán lương và bảo hiểm xã hội. Cung cấp đầy đủ thông tin về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý lao động tại các tổ chức;
- + Tham mưu, đề xuất được cho lãnh đạo tại các tổ chức những ý kiến phù hợp làm cho công tác hoạch toán kế toán, quản lý lao động và bảo hiểm xã hội đúng pháp luật;
- + Kỹ năng làm việc độc lập, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp;
- + Thiết lập mối quan hệ với doanh nghiệp, phòng lao động, bảo hiểm xã hội;
- + Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
 - + Giáo dục cho người học lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa Xã hội và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
 - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;
 - + Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;
 - + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, đèn kinh, bóng chuyền;

- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;
- + Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong sinh viên có thể đảm nhiệm vị trí kế toán, lao động, bảo hiểm tại các loại hình doanh nghiệp và tổ chức như:

- Kế toán tiền lương
- Kế toán thuế thu nhập cá nhân
- Thống kê nhân sự
- Giải quyết chế độ lao động
- Kế toán các khoản thu chi bảo hiểm
- Quản lý nhân sự

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm.
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn kiểm tra hết môn và thi: 400 giờ; trong đó thi tốt nghiệp 80 giờ.

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học nghề bắt buộc: 2445 giờ; Thời gian học nghề tự chọn: 855 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1020 giờ; Thời gian hoặc thực hành: 2280 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	199	222	29
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	36	36	3
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Tiếng Anh	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2.445	680	1.591	174
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	420	240	155	25
MH 07	Luật kinh tế	45	25	18	2
MH 08	Toán kinh tế	60	40	16	4
MĐ 09	Soạn thảo văn bản	45	15	27	3
MH 10	Anh văn chuyên ngành	60	30	26	4
MH 11	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 12	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 13	Lý thuyết tài chính tiền tệ	45	30	13	2
MH 14	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2.025	440	1.436	149
MH 15	Luật lao động	60	30	25	5
MH 16	Luật bảo hiểm xã hội	60	30	25	5
MH 17	Thống kê lao động trong doanh nghiệp	60	30	26	4
MĐ 18	Tài chính doanh nghiệp	90	35	50	5
MĐ 19	Thuế	60	20	35	5
MH 20	Marketing	45	25	15	5
MĐ 21	Chế độ chính sách về lương và bảo hiểm xã hội	75	30	40	5
MĐ 22	Quản trị doanh nghiệp	150	45	100	5
MĐ 23	Kế toán tài chính	150	45	95	10
MĐ 24	Kế toán tiền lương và các khoản theo lương	150	30	105	15
MĐ 25	Tổ chức và quản lý lao động	75	20	50	5
MĐ 26	Thiết lập hệ thống thang bảng lương	75	20	50	5
MH 27	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	25	5
MĐ 28	Tin học kế toán	60	20	35	5
MĐ 29	Thực tập nghề nghiệp	300	30	250	20
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	555	-	510	45
	Tổng cộng	2.895	900	1.791	204

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
 - + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
 - + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
 - + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.
- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75% và lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%.

- Ban chủ nhiệm chương trình gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 18 môn học, mô đun chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Kinh tế quốc tế	45	30	13	2
MH 32	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MĐ 33	Quản trị tài chính hiện đại	90	15	70	5
MĐ 34	Quản trị dự án đầu tư	75	15	55	5
MH 35	Thị trường ngoại hối	45	30	10	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 36	Thị trường chứng khoán	45	30	12	3
MH 37	Thị trường tài chính	60	45	10	5
MĐ 38	Quản trị nhân sự	75	30	40	5
MH 39	Toán tài chính	60	30	26	4
MH 40	Quản trị học	45	25	17	3
MH 41	Tài chính quốc tế	90	42	43	5
MĐ 42	Kế toán quỹ tín dụng	75	20	51	4
MH 43	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MH 44	Kinh tế phát triển	60	30	26	4
MĐ 45	Kế toán quản trị	75	15	56	4
MĐ 46	Kế toán ngân hàng	75	20	50	5
MĐ 47	Kế toán hành chính sự nghiệp	75	20	50	5
MH 48	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	45	25	17	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này đã xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 13/18 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ tự chọn là 780 giờ.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Kinh tế quốc tế	45	30	13	2
MH 32	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Quản trị tài chính hiện đại	90	15	70	5
MĐ 34	Quản trị dự án đầu tư	75	15	55	5
MH 35	Thị trường ngoại hối	45	30	10	5
MH 36	Thị trường chứng khoán	45	30	12	3
MH 39	Toán tài chính	60	30	26	4
MH 41	Tài chính quốc tế	90	42	43	5
MĐ 42	Kế toán quỹ tín dụng	75	20	51	4
MH 43	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MĐ 45	Kế toán quản trị	75	15	56	4
MĐ 46	Kế toán ngân hàng	75	20	50	5
MĐ 47	Kế toán hành chính sự nghiệp	75	20	50	5
	Tổng cộng	855	332	470	53

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề;

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về Luật lao động; Bảo hiểm xã hội; Quản lý lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội.

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội; Quản lý lao động tiền lương và BHXH.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, Trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện*

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng, dây chuyền sản xuất, kho cấp phát nguyên liệu của các công ty, nhà máy.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học/mô đun

4. Các chú ý khác:

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình phòng mô phỏng kế toán để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các bộ chứng từ của từng loại hình doanh nghiệp;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.